

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ NỘI VỤ

Số /SNV-LĐVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng 8 năm 2025

V/v hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ
quản lý nhà nước về lao động, tiền
lương, việc làm, bảo hiểm xã hội, an
toàn, vệ sinh lao động khi thực hiện
chính quyền địa phương 02 cấp

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, phường

Ngày 11/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 128/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ (viết tắt Nghị định số 128/2025/NĐ-CP), Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (viết tắt Nghị định số 129/2025/NĐ-CP) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

Đồng thời, ngày 18/5/2025, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BNV quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ (viết tắt Thông tư số 09/2025/TT-BNV), ngày 19/6/2025 Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 10/2025/TT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết tắt Thông tư số 10/2025/TT-BNV).

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch UBND các xã, phường lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định, cụ thể như sau:

1. Về công tác an toàn, vệ sinh lao động

1.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, Điều 6 và Điều 19 của Luật An toàn, vệ sinh lao động, gồm:

a) Nhận thông báo của người lao động về nguy cơ mất an toàn lao động tại nơi làm việc trên địa bàn để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) Nhận thông báo của người sử dụng lao động khi xảy ra sự cố gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

c) Chủ động có biện pháp ứng phó ngay khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh tại địa phương và kịp thời báo cáo Sở Nội vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện: khi nhận được thông báo của người lao động và người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời bố trí nhân sự và thực hiện biện pháp kỹ thuật phù hợp để ngăn chặn, ứng cứu khẩn cấp nguy cơ mất an toàn lao động tại nơi làm việc trên địa bàn. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo với Sở Nội vụ và đề nghị hỗ trợ kỹ thuật của các cơ quan, tổ chức chuyên môn phù hợp trên địa bàn.

1.2. Thực hiện theo phân định thẩm quyền về an toàn lao động tại Chương III Nghị định số 129/2025/NĐ-CP:

a) Thông báo ngay cho cơ quan Công an cấp xã trong trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người trở lên đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 Luật An toàn vệ sinh lao động.

b) Bằng cách nhanh nhất (trực tiếp hoặc điện thoại, fax, công điện, thư điện tử) báo ngay cho Sở Nội vụ khi nhận được tin báo tai nạn của người lao động hoặc gia đình của người lao động bị tai nạn theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 129/2025/NĐ-CP. Trường hợp tai nạn lao động chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên đồng thời phải báo với cơ quan Công an cấp xã.

c) Lập biên bản ghi nhận sự việc để thống kê tai nạn lao động và báo cáo Sở Nội vụ đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

d) Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, quyết định thành lập Đoàn điều tra theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2024/NĐ-CP của Chính phủ để điều tra các vụ tai nạn lao động làm bị thương 01 người lao động, tai nạn lao động nhẹ khi nhận được thông tin khai báo xảy ra tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trên địa bàn.

đ) Công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động tới người bị tai nạn trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở theo quy định tại điểm c.9 khoản 4 Điều 18 Nghị định số 143/2024/NĐ-CP.

e) Định kỳ 6 tháng và hàng năm, thống kê, báo cáo Sở Nội vụ tình hình tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng đối với lao động làm việc không theo hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

f) Trách nhiệm quản lý về bảo hiểm tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trên địa bàn; kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện; báo cáo định kỳ, hằng năm và đột xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nội vụ đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 143/2024/NĐ-CP.

2. Về việc làm

2.1 Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại khoản 2 điều 10 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP về quản lý nhà nước đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

a) Trên cơ sở thành phần hồ sơ được quy định tại Điều 53 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, xác nhận bằng văn bản việc đăng ký hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Gửi văn bản về Sở Nội vụ (thông qua Phòng Lao động - Việc làm) sau khi đã xác nhận thông tin về người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức hợp đồng lao động trực tiếp giao kết để cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.2. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn đối với dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định tại Mục 6 Phụ lục I Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm; an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

Thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2.3. Thực hiện điều 53, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP về xác nhận hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng để làm cơ sở thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP).

2.4 Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư số 09/2025/TT-BNV, gồm:

a) Lập kế hoạch và tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên đang cư trú tại địa bàn được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNV; xử lý các vấn đề phát sinh.

b) Thiết lập cơ chế đối soát, cập nhật, chia sẻ dữ liệu người lao động thu thập với dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác là cơ sở để xác thực hoàn thiện và cung cấp sổ lao động điện tử của người lao động.

c) Báo cáo kết quả thực hiện các dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công do Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BNV gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

3. Về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội theo quy định tại Chương VII Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và Thông tư số 10/2025/TT-BNV

a) Thực hiện việc tiếp nhận đăng ký Nội quy lao động trong trường hợp được ủy quyền.

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật lao động về tổ chức và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

đ) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm thời nghỉ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

e) Nhận văn bản về việc quyết định đình công của tổ chức đại diện người lao động.

f) Nhận thông báo việc đóng cửa tạm thời nơi làm việc của người sử dụng lao động.

g) Chủ trì, phối hợp với công đoàn cùng cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan xử lý cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 211 Bộ luật Lao động.

h) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình theo quy định Điều 89, Điều 90 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động là người giúp việc gia đình trên địa bàn; phân công đầu mối theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động về người giúp việc gia đình trên địa bàn thuộc quyền quản lý theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

i) Rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý để lập kế hoạch và báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 31 tháng 3 hàng

năm; Tiếp nhận hồ sơ giới thiệu tham gia dự tuyển hòa giải viên lao động của cơ quan, tổ chức và cá nhân (Hồ sơ dự tuyển gồm: Đơn dự tuyển hòa giải viên lao động; sơ yếu lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế; bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu các văn bằng, chứng chỉ liên quan; văn bản giới thiệu tham gia làm hòa giải viên lao động của các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có)); rà soát người đủ tiêu chuẩn, tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ ghi trong thông báo tuyển chọn hòa giải viên lao động; rà soát, đánh giá, báo cáo Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, miễn nhiệm hòa giải viên lao động đối với các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

k) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và yêu cầu hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, có trách nhiệm phân loại và có văn bản cử hòa giải viên lao động giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP. Trường hợp tiếp nhận đơn từ hòa giải viên lao động thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận đơn, phân loại và ban hành văn bản cử hòa giải viên lao động theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 95 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

l) Đảm bảo điều kiện làm việc cho hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng đối với hòa giải viên lao động; quản lý, lưu trữ hồ sơ các vụ việc giải quyết tranh chấp và các tài liệu liên quan khác; cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ tình hình hòa giải lao động trên địa bàn.

m) Xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định ngừng đình công, đồng thời gửi Giám đốc Sở Nội vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 111 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

n) Báo cáo kết quả thực hiện ngừng đình công cho Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định ngừng đình công của Chủ tịch UBND tỉnh.

o) Phối hợp với Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công, người sử dụng lao động nơi bị hoãn, ngừng đình công và các cơ quan liên quan hỗ trợ các bên thương lượng, hòa giải để giải quyết quyền lợi của người lao động và các bất đồng khác liên quan trong thời gian thực hiện quyết định hoãn, ngừng đình công theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

Sở Nội vụ đề nghị UBND các xã, phường khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền quản lý của ngành Nội vụ về lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, Thông tư số 09/2025/TT-BNV, Thông tư số 10/2025/TT-BNV,

các văn bản quy định có liên quan và Công văn này. Trường hợp có các văn bản mới điều chỉnh, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Nội vụ (*qua Phòng Lao động - Việc làm, điện thoại 02373.851.510*) để được hướng dẫn, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, LĐVL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Ngọc Trung